

QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2025-QĐHN-TMIV ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam)

Căn cứ vào các thông tin, kê khai và cam đoan trong **Giấy yêu cầu bảo hiểm** và trên cơ sở xem xét khoản phí bảo hiểm mà **Bên mua bảo hiểm** đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**, với điều kiện tuân theo các nguyên tắc chung, quyền lợi bảo hiểm, điều kiện loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và những **Sửa đổi bổ sung** đính kèm **Hợp đồng bảo hiểm** này, **Doanh nghiệp bảo hiểm** đồng ý với **Bên mua bảo hiểm** như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Bên mua bảo hiểm** : là tổ chức, cá nhân đề nghị mua bảo hiểm và/hoặc ký xác nhận trên báo giá bảo hiểm, và giao kết **Hợp đồng bảo hiểm** với **Doanh nghiệp bảo hiểm**. **Bên mua bảo hiểm** sẽ chịu trách nhiệm đóng phí bảo hiểm và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, và trách nhiệm theo quy định pháp luật và/hoặc theo **Hợp đồng bảo hiểm** này.
- Doanh nghiệp bảo hiểm** : là Công ty TNHH Bảo hiểm Tokio Marine Việt Nam.
- Người được bảo hiểm** : là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tính mạng, nghĩa vụ hoặc lợi ích kinh tế được bảo hiểm theo **Hợp đồng bảo hiểm**.
- Chủ xe** : là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe cơ giới.
- Xe cơ giới** : là các loại xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy theo qui định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng của **Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm/Chủ xe**, đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ và được liệt kê hoặc đính kèm tại **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**.
- Hợp đồng bảo hiểm** : là sự thoả thuận giữa **Bên mua bảo hiểm** và **Doanh nghiệp bảo hiểm**, theo đó **Bên mua bảo hiểm** phải đóng đủ phí bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải bồi thường cho **Người được bảo hiểm** khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
Một bộ **Hợp đồng bảo hiểm** phải được lập thành văn bản và bao gồm:
 - **Giấy yêu cầu bảo hiểm**;
 - Quy tắc bảo hiểm;
 - **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**
 - Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - **Sửa đổi bổ sung** (nếu có)
- Giấy yêu cầu bảo hiểm** : là văn bản thể hiện các yêu cầu bảo hiểm và cam kết của **Bên mua bảo hiểm**, được **Bên mua bảo hiểm** ký và đóng dấu (nếu có) làm căn cứ để **Doanh nghiệp bảo hiểm** xem xét và chấp thuận việc bảo hiểm thông qua việc cấp **Hợp đồng bảo hiểm**. Văn bản này là một bộ phận cấu thành và không tách rời của **Hợp đồng bảo hiểm**, được **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp mẫu cho **Bên mua bảo hiểm**, được lập bằng bản giấy (bản cứng) hoặc bản điện tử trên website/ứng dụng bán hàng trực tuyến, nhằm thiết lập bộ **Hợp đồng bảo hiểm**.
- Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm** : là bản tóm tắt các điều kiện điều khoản và giới hạn trách nhiệm của **Hợp đồng bảo hiểm** hoặc **Hợp đồng bảo hiểm** Tái tục (cho trường hợp tái tục) do **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp cho **Bên mua bảo hiểm**.
- Sửa đổi bổ sung** : là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của **Hợp đồng bảo hiểm** được **Doanh nghiệp bảo hiểm** cấp cho **Người được bảo hiểm** để xác nhận các thay đổi về nội dung của **Hợp đồng bảo hiểm** đã được cấp trước đó trên cơ sở **Doanh nghiệp bảo hiểm** chấp thuận các yêu cầu bảo hiểm bổ sung của **Người được bảo hiểm**.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 3. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm

Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản được quy định cụ thể trong **Bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 4. Phạm vi bảo hiểm

Trừ những trường hợp loại trừ như quy định tại **Điều 6** dưới đây, các bên hiểu và đồng ý rằng phạm vi bảo hiểm tuân theo quy định của bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của **Chủ xe** cơ giới do Nhà nước Việt Nam quy định đang có hiệu lực tại thời điểm giao kết **Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 5. Nguyên tắc bồi thường

Số tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe, tính mạng và tài sản sau khi được giải quyết bồi thường theo quy định bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của **Chủ xe** cơ giới có hiệu lực, phần còn lại sẽ được xem xét bồi thường theo bảo hiểm trách nhiệm dân sự tự nguyện với nguyên tắc như sau:

1. Bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng:

1.1. **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ bồi thường theo chi phí thiệt hại thực tế hợp lý mà **Người được bảo hiểm** đã phải chi trả (hoặc có khả năng phải chi trả theo quy định của pháp luật hoặc phán quyết của Tòa án) và tương ứng với:

$$\text{Số tiền bồi thường} = \text{Chi phí thiệt hại thực tế} \times \text{Tỷ lệ lỗi}$$

Số tiền bồi thường không vượt quá **Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm** và không lớn hơn số tiền thực tế mà **Chủ xe** đã bồi thường cho bên thứ ba (sau khi trừ số tiền đã được bồi thường theo Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự).

1.2. Chi phí thiệt hại thực tế hợp lý được xác định bao gồm:

1.2.1. **Thiệt hại về sức khỏe:**

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm:

- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cho người bị thiệt hại; thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở;
- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho 01 ngày khám bệnh, chữa bệnh theo số ngày trong hồ sơ bệnh án;
- Chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là các chi phí cho việc phục hồi, hỗ trợ, thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại.

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại được xác định như sau:

- Trường hợp người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương, tiền công thì được xác định theo mức tiền lương, tiền công của người bị thiệt hại trong khoảng thời gian tiền lương, tiền công bị mất hoặc bị giảm sút;
- Trường hợp người bị thiệt hại có thu nhập không ổn định từ tiền lương, tiền công được xác định căn cứ vào mức tiền lương, tiền công trung bình của 03 tháng liền kề trước thời điểm thiệt hại xảy ra. Trường hợp không xác định được 03 tháng lương liền kề trước thời điểm thiệt hại xảy ra thì căn cứ vào thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương trong khoảng thời gian thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Nếu không xác định được thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương thì thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút được bồi thường là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho 01 ngày bị thiệt hại. Ngày lương tối thiểu vùng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định chia cho 26 ngày.

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại được xác định như sau:

- Chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị bao gồm: tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ theo giá trung bình ở địa phương nơi người bị thiệt hại điều trị (nếu có);
- Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị được xác định theo hướng dẫn theo mục 1.2.1.b nêu trên;
- Trường hợp người bị thiệt hại mất khả năng lao động và phải có người thường xuyên chăm sóc thì chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại được xác định là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho 01 ngày chăm sóc người bị thiệt hại.

d) Thiệt hại khác do luật quy định hoặc theo phán quyết của Tòa án.

1.2.2. Thiệt hại về tính mạng:

- a) Thiệt hại do sức khỏe theo quy định tại mục 1.2.1 nêu trên được tính từ thời điểm người bị thiệt hại bị xâm phạm sức khỏe cho đến thời điểm người đó chết.
- b) Chi phí hợp lý cho việc mai táng đối với các khoản tiền: mua quan tài; chi phí hỏa táng, chôn cất; các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo phong tục, tập quán địa phương. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ.
- c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc nuôi dưỡng trước khi chết được xác định như sau:
 - Mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nhưng không thấp hơn 01 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người được cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng;
 - Thời điểm cấp dưỡng được tính từ thời điểm người bị thiệt hại bị xâm phạm về sức khỏe;
 - Đối tượng được bồi thường tiền cấp dưỡng là những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.
- d) Thiệt hại khác do luật quy định hoặc theo phán quyết của Tòa án

1.2.3. Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không bồi thường cho:

- Chi phí thuê đội nhạc hiếu, chi phí mua đất để an táng.
- Chi phí bồi thường để bù đắp tổn thất tinh thần mà người bị thiệt hại gánh chịu (trừ trường hợp có quyết định của Tòa án).

Trong trường hợp không có cơ sở xác định thiệt hại thực tế như quy định trên đây hoặc cơ sở xác định thiệt hại không đầy đủ thì vận dụng quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng tại hợp đồng bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đang có hiệu lực tại thời điểm giải quyết bồi thường để trả tiền bồi thường.

1.3. Đối với vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của người thứ ba, mức bồi thường bảo hiểm về sức khỏe, tính mạng đối với các đối tượng thuộc người thứ ba bằng 50% mức bồi thường quy định tại Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng ban hành kèm theo quy định bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đang có hiệu lực tại thời điểm giải quyết bồi thường hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa **Người được bảo hiểm** hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự), nhưng không vượt quá 150 triệu đồng cho một vụ tổn thất.

2. Bồi thường thiệt hại về tài sản:

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường như sau:

$$\text{Số tiền bồi thường} = \text{Thiệt hại thực tế} \times \text{Tỷ lệ lỗi}$$

Số tiền bồi thường không vượt quá Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm và không lớn hơn số tiền thực tế mà **Chủ xe** đã bồi thường cho bên thứ ba (sau khi trừ số tiền đã được bồi thường theo Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự).

3. **Tỷ lệ lỗi của Chủ xe/ Lái xe:** được xác định trên cơ sở hồ sơ của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc được **Doanh nghiệp bảo hiểm** xác định dựa trên các hồ sơ, tài liệu đã thu thập và đã thống nhất với **Chủ xe/ Lái xe**, các bên liên quan (theo công văn hướng dẫn của Hiệp hội bảo hiểm hoặc theo các văn bản pháp luật hướng dẫn khác hoặc Bộ tài chính quy định có hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất).

Điều 6. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm đối với:

1. Các điểm loại trừ bảo hiểm theo quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của **Chủ xe** cơ giới do Nhà nước Việt Nam ban hành đang có hiệu lực tại thời điểm giao kết **Hợp đồng bảo hiểm**.
2. Tử vong hay thương tật thân thể đối với bất kỳ người nào đang làm thuê cho Người ngồi trên xe mà tử vong hay thương tật thân thể phát sinh do hoặc trong quá trình làm thuê đó.

3. Thiệt hại đối với tài sản thuộc sở hữu, được ủy thác hay dưới sự trông nom coi sóc hay kiểm soát của **Chủ xe/Người được bảo hiểm** hay của Người ngồi trên xe hay đang được vận chuyển bằng xe đó.
4. Tử vong hay thương tật thân thể của bất cứ một người nào phát sinh bởi và trong quá trình làm công cho **Chủ xe/Người được bảo hiểm**.
5. Tử vong hay thương tật thân thể cho người điều khiển xe, phụ lái, những người ngồi trên xe hay bất kỳ người nào khác đang được chở trên hoặc đang lên hoặc xuống xe cơ giới tại thời điểm xảy ra biến cố phát sinh khiếu nại sự kiện bảo hiểm được yêu cầu bồi thường.
6. Thiệt hại đối với bất kỳ chiếc cầu hoặc cân cầu đường hoặc cầu cạn hoặc thiệt hại cho bất kỳ con đường hoặc vật thể gì nằm bên dưới gây ra bởi chấn động hoặc trọng tải của chiếc xe hoặc do hàng hóa chuyên chở trên chiếc xe đó.
7. Thiệt hại đối với các đường ống, đường dây, cáp hoặc bất kỳ hệ thống lắp đặt ngầm nào.
8. Bất cứ trách nhiệm nào bị ràng buộc dưới dạng thỏa thuận mà lẽ ra nếu không có thỏa thuận này thì trách nhiệm đã không phát sinh.
9. Tồn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.
10. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tồn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.
11. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm (bao gồm dừng hoặc đỗ xe), đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng xe không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng theo quy định, lùi xe trong hầm đường bộ hoặc trên đường cao tốc
12. Đưa xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
13. Xe chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa.
14. Tồn thất do vận chuyển chất nổ, chất thải độc hại hoặc vận chuyển khí ga hóa lỏng hoặc xăng trái với quy định của pháp luật.
15. Tồn thất xảy ra trong những trường hợp: nội chiến, đình công, bạo động.
16. Tồn thất do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân hoặc nhiễm bản phóng xạ.

Điều 7. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

- a. Trường hợp **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** trước hạn, **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** phải thông báo bằng văn bản cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải hoàn lại cho **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. **Doanh nghiệp bảo hiểm** không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm.
- b. Trường hợp **Doanh nghiệp bảo hiểm** đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm**, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày **Doanh nghiệp bảo hiểm** thông báo bằng văn bản cho **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải hoàn lại phí bảo hiểm cho **Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm** tương ứng với thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 8. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong Hợp đồng bảo hiểm

Khi Chủ sở hữu của xe thay đổi, **Người được bảo hiểm** có quyền đề nghị chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ trong **Hợp đồng bảo hiểm** này cho chủ sở hữu mới của xe bằng cách gửi cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** một yêu cầu bằng văn bản, không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày chuyển quyền sở hữu xe. **Doanh nghiệp bảo hiểm** có quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chuyển nhượng này.

Nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** chấp thuận đề nghị chuyển nhượng, **Hợp đồng bảo hiểm** này được xem là được chuyển nhượng cho chủ sở hữu mới của xe kể từ thời điểm quyền sở hữu của xe được chuyển nhượng.

Nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** không chấp thuận việc chuyển nhượng, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ thông báo trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng hợp lệ từ **Người được bảo hiểm**. **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ hoàn lại phí bảo hiểm cho thời hạn còn lại như quy định tại Điều 7 Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 9. Thay đổi về rủi ro được bảo hiểm

1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ xem xét giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. Sau khi nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của **Bên mua bảo hiểm**, **Doanh nghiệp bảo hiểm** phải trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp **Doanh nghiệp bảo hiểm** không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì **Bên mua bảo hiểm** có quyền đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định tại Điều 7 Quy tắc bảo hiểm này.

2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của **Hợp đồng bảo hiểm**. Trong trường hợp **Bên mua bảo hiểm** không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể đơn phương chấm dứt **Hợp đồng bảo hiểm** theo quy định tại Điều 7 của Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 10. Bảo hiểm cho nhiều xe trong cùng một Hợp đồng bảo hiểm

Trong trường hợp có nhiều xe cùng được bảo hiểm theo một **Hợp đồng bảo hiểm** xe duy nhất, các điều kiện, điều khoản và điểm loại trừ của **Hợp đồng bảo hiểm** này sẽ được áp dụng cho mỗi xe được bảo hiểm như thể là mỗi xe được cấp một **Hợp đồng bảo hiểm** riêng.

Đối với riêng trường hợp **Bên mua bảo hiểm** chỉ yêu cầu chấm dứt bảo hiểm cho một số (không phải toàn bộ) xe trong một đội xe đang được bảo hiểm theo một hợp đồng duy nhất, **Doanh nghiệp bảo hiểm** có thể xem xét hoàn lại phí bảo hiểm cho **Bên mua bảo hiểm** tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của các xe này.

Điều 11. Thông báo và giảm thiểu tổn thất

Khi xảy ra tổn thất, **Bên mua bảo hiểm, Chủ xe** phải:

1. Thông báo ngay cho **Doanh nghiệp bảo hiểm** để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **Doanh nghiệp bảo hiểm**; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan), **Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm** phải gửi thông báo tai nạn bằng văn bản hoặc thông qua hình thức điện tử cho **Doanh nghiệp bảo hiểm**.

Điều 12. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, **Doanh nghiệp bảo hiểm** hoặc người được **Doanh nghiệp bảo hiểm** ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của **Người được bảo hiểm**, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. **Doanh nghiệp bảo hiểm** chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp **Người được bảo hiểm** không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do **Doanh nghiệp bảo hiểm** xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của **Doanh nghiệp bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm** phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của **Doanh nghiệp bảo hiểm, Người được bảo hiểm** phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không thể thực hiện được việc giám định, **Doanh nghiệp bảo hiểm** được căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các tài liệu liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

Điều 13. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Thông báo tổn thất và tờ khai yêu cầu bồi thường (theo mẫu của **Doanh nghiệp bảo hiểm**);
2. Tài liệu liên quan đến xe cơ giới, người lái xe (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc Bản sao có xác nhận của **Doanh nghiệp bảo hiểm** sau khi đã đối chiếu với bản chính hoặc bản ảnh chụp):
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký xe (hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe kèm bản gốc. Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực, thay cho bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe trong thời gian tổ chức tín dụng giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe) hoặc chứng từ chuyển quyền sở hữu xe và chứng từ nguồn gốc xe (trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký xe).
 - b) Giấy phép lái xe.
 - c) Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác của người lái xe.
 - d) Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về sức khỏe, tính mạng (Bản sao của các cơ sở y tế hoặc bản sao có xác nhận của **Doanh nghiệp bảo hiểm** sau khi đã đối chiếu với bản chính hoặc bản ảnh chụp). Tùy theo mức độ thiệt hại về người có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau:
 - a) Giấy chứng nhận thương tích.
 - b) Hồ sơ bệnh án.
 - c) Trích lục khai tử hoặc Giấy báo tử hoặc văn bản xác nhận của cơ quan Công an hoặc kết quả giám định của cơ quan giám định pháp y đối với trường hợp nạn nhân chết trên phương tiện giao thông, chết do tai nạn.
4. Tài liệu chứng minh thiệt hại đối với tài sản:
 - a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc bằng chứng chứng minh về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn gây ra (trường hợp **Doanh nghiệp bảo hiểm** thực hiện sửa chữa, khắc phục thiệt hại, **Doanh nghiệp bảo hiểm** có trách nhiệm thu thập giấy tờ này).
 - b) Các giấy tờ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến chi phí phát sinh mà **Chủ xe** cơ giới đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của **Doanh nghiệp bảo hiểm**.
5. Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan Công an trong các vụ tai nạn gây tử vong đối với người thứ ba và hành khách hoặc trường hợp cần xác minh vụ tai nạn có nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của người thứ ba, bao gồm: Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn hoặc Thông báo kết luận điều tra giải quyết vụ tai nạn.
6. Biên bản giám định của **Doanh nghiệp bảo hiểm** hoặc người được **Doanh nghiệp bảo hiểm** ủy quyền.
7. Quyết định của Tòa án (nếu có).

Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm có trách nhiệm thu thập và gửi **Doanh nghiệp bảo hiểm** các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 7 Điều này. **Doanh nghiệp bảo hiểm** có trách nhiệm thu thập tài liệu quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 14. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của **Doanh nghiệp bảo hiểm** là 90 ngày kể từ ngày **Người được bảo hiểm** nhận được thông báo bồi thường của **Doanh nghiệp bảo hiểm**. Quá thời hạn nêu trên, **Doanh nghiệp bảo hiểm** sẽ không giải quyết khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về **Hợp đồng bảo hiểm** là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ **Hợp đồng bảo hiểm**.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ **Hợp đồng bảo hiểm**, nếu **Doanh nghiệp bảo hiểm** và người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra cơ quan giải quyết tranh chấp quy định trên Bản tóm tắt **Hợp đồng bảo hiểm**.

Điều 15. Phạm vi địa lý

Phạm vi địa lý của **Hợp đồng bảo hiểm** này là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 16. Luật Áp Dụng

Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.